

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO MỨC ĐỘ SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN TRONG BÀI THI HỌC PHẦN

TS. ĐẶNG THỊ VÂN - ThS. NGUYỄN HUỲNH THƯƠNG
Đại học Nông nghiệp Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trong học tập, sáng tạo của sinh viên (SV) được thể hiện không chỉ ở các khâu học lí thuyết, thực hành, thực tập mà ngay cả trong các bài thi học phần. Hiện nay, cách ra đề thi của khá nhiều giảng viên (GV) vẫn theo kiểu kiểm tra trí nhớ của người học, nội dung kiến thức liên quan đến câu hỏi trong đề thi chỉ giới hạn trong sách giáo trình, bài giảng. Vì thế, quan niệm chỉ cần học thuộc kiến thức sẽ được điểm cao là tâm lí chung được hình thành ở hầu hết SV. Chính nguyên nhân cơ bản này đã cản trở tính sáng tạo của họ trong học tập nói chung và trong bài thi học phần nói riêng.

Điểm số thi học phần của SV cao hay thấp liên quan đến nhiều yếu tố chi phối như thái độ, phương pháp ôn tập của SV, cách hướng dẫn ôn tập, cách ra đề thi, cách đánh giá của GV. Tuy nhiên, cách làm bài thi một cách sáng tạo của SV cũng góp một phần lớn nâng cao điểm số của họ. Biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi hết học phần thể hiện như thế nào, mức độ cao thấp ra sao là vấn đề chúng tôi quan tâm trong phạm vi bài viết này.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp chính được sử dụng là nghiên cứu sản phẩm. Chúng tôi nghiên cứu và phân tích 460 bài thi của 460 SV Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (ĐHNH HN). Mức độ biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi học phần được đánh giá theo 5 mức độ và được quy ước bằng điểm số (xem bảng 1).

Việc đánh giá mức độ sáng tạo của SV trong bài thi học phần dựa vào những biểu hiện cụ thể mà SV thể hiện trong bài thi, được đánh giá qua hai tiêu chí cơ bản là tính mới và tính giá trị (bởi đây là hai tiêu chí

cơ bản của sáng tạo). Từ cách trình bày, đến những ý tưởng mới liên quan đến các câu hỏi trong đề thi, phát hiện các mâu thuẫn của vấn đề được đề cập trong câu hỏi và giải quyết chúng một cách sáng tạo. Trong đào tạo ở đại học, GV có thể được xem là những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành mà họ giảng dạy. Vì vậy, trong nghiên cứu này, để đánh giá tính mới và tính giá trị của những ý tưởng, cách giải quyết vấn đề qua từng bài thi của SV, chúng tôi dựa vào đánh giá của GV. Còn các biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi học phần ở mức nào là do người nghiên cứu đánh giá dựa vào thang điểm đánh giá như sau: Mức cao (4 - 5 điểm), mức khá (3 - cận 4 điểm), mức trung bình (2 - cận 3 điểm), mức thấp (1 đến cận 2 điểm).

Phương pháp điều tra bằng hỏi, phỏng vấn sâu cũng được sử dụng để thu thập thêm thông tin cho quá trình phân tích kết quả bằng phương pháp nghiên cứu sản phẩm.

Số liệu được xử lí bằng chương trình phần mềm thống kê SPSS trong môi trường Window, phiên bản 13.0.

3. Kết quả nghiên cứu

Số liệu bảng 2 (trang 33) cho thấy, biểu hiện sáng tạo của SV qua bài thi hết học phần mới chỉ đạt ở mức độ trung bình (ĐTB 2,66). Điều này chứng tỏ phần nhiều SV chưa thể hiện rõ tính sáng tạo học tập của mình qua bài thi. Mặc dù, phần lớn SV đều mong muốn đạt điểm cao, nhưng sáng tạo của họ lại chưa được phát huy.

Biểu hiện sáng tạo của SV tập trung nhiều nhất ở mức 3. Mặc dù chưa phải là sáng tạo ở mức cao nhưng SV trong diện nghiên cứu đã biết tận dụng ưu thế của SV nông nghiệp, các môn học thuộc các ngành nghề

Bảng 1: Quy ước điểm cho các biểu hiện sáng tạo trong bài thi học phần

<i>Những biểu hiện sáng tạo trong bài thi hết học phần</i>	<i>Điểm quy ước</i>
1. Hình thức trình bày và nội dung trả lời dựa theo ý hiểu cá nhân, không lệ thuộc thụ động vào sách, bài giảng, có vài ý đúng được GV cho điểm.	1 điểm
2. Chọn lọc các kiến thức lí thuyết đã học và kiến thức thực tiễn khái quát thành câu trả lời.	2 điểm
3. Nội dung câu trả lời có sự phân tích, đánh giá từ góc nhìn cá nhân, tổng hợp kiến thức lí thuyết đã học, liên hệ với nhiều hoàn cảnh thực tế khác nhau qua các ví dụ, dẫn chứng minh họa.	3 điểm
4. Dựa vào kiến thức lí luận, kết hợp quan sát và trải nghiệm thực tiễn, SV rút ra được những bài học kinh nghiệm thực tế, được GV ghi nhận như một sáng kiến nhỏ, bổ sung kiến thức đó vào bài giảng, tài liệu giảng dạy.	4 điểm
5. SV đưa ra dự báo xu thế phát triển của nội dung kiến thức đề cập trong câu hỏi được GV quan tâm vì dự báo đó có cơ sở khoa học.	5 điểm

Bảng 2: Mức độ biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi hết học phần

Những biểu hiện sáng tạo trong bài thi hết học phần	% Theo C (C = 501)	% Theo N (N = 460)	ĐTB
1- Hình thức trình bày và nội dung trả lời dựa theo ý hiểu cá nhân, không lệ thuộc thụ động vào sách, bài giảng, có vài ý đúng được GV cho điểm.	20,0	21,7	2,66
2- Chọn lọc các kiến thức lí thuyết đã học và kiến thức thực tiễn khái quát thành câu trả lời.	15,6	16,9	
3- Nội dung câu trả lời có sự phân tích, đánh giá từ góc nhìn cá nhân, tổng hợp kiến thức lí thuyết đã học, liên hệ với nhiều hoàn cảnh thực tế khác nhau qua các ví dụ, dẫn chứng minh họa.	42,5	46,3	
4- Dựa vào kiến thức lí luận, kết hợp quan sát và trải nghiệm thực tiễn, SV rút ra được những bài học kinh nghiệm thực tế, được GV ghi nhận như một sáng kiến nhỏ, bổ sung kiến thức đó vào bài giảng, tài liệu giảng dạy.	22,0	23,9	
5- SV đưa ra dự báo xu thế phát triển của nội dung kiến thức để cập trong câu hỏi được GV quan tâm vì dự báo đó có cơ sở khoa học.	0,0	0,0	

Ghi chú: % theo C (số câu hỏi được giải quyết), theo N (tổng mẫu khách thể)

đều gắn với thực tiễn cao. Ngoài những buổi thực hành tại khoa, SV còn có thể thâm nhập thực tế nghề nghiệp ở địa phương, gia đình, các khu vườn thực nghiệm tại trường,... Do đó, SV có thể hệ thống và bổ sung thêm kiến thức từ thực tiễn khi giải quyết các câu hỏi của đề thi, được GV ghi nhận và cho điểm. Vì vậy, trong 5 biểu hiện mà chúng tôi đưa ra thì biểu hiện thứ 3 (ứng với mức 3) có số SV thể hiện nhiều hơn cả, chiếm tỉ lệ 46,3%. Đây là cách làm bài thể hiện tính linh hoạt của SV trong việc kết hợp kiến thức lí luận và thực tiễn để giải quyết vấn đề.

Biểu hiện có số SV thể hiện nhiều thứ 2, nhưng cũng chỉ chiếm tỉ lệ 23,9%, là biểu hiện 4 (mức 4). Mặc dù là mức độ sáng tạo cao, nhưng nếu có điều kiện thuận lợi thì vẫn được phát huy ở SV. Những chuyên ngành mà SV Trường ĐHNHN HN được học phần lớn là những ngành nghề liên quan đến nông nghiệp. Trong khi đó, đa số SV của trường xuất thân ở các vùng nông thôn, dù sao các em cũng được quan sát, được nghe, thậm chí còn được tham gia sản xuất trực tiếp với gia đình nên từ những kiến thức lí thuyết nền tảng, SV có thể liên hệ đến thực tế một cách thuận lợi và dễ dàng hơn. Tuy nhiên, biểu hiện này chỉ thể hiện ở một số ít SV.

Có một số lượng SV đáng kể (21,7%) có biểu hiện 1 (mức 1) là những biểu hiện sơ đẳng của sáng tạo. Trên thực tế, những SV không thuộc lí thuyết, tham gia thực hành một cách đối phó, nên khi gặp các câu hỏi trong đề thi, họ buộc phải làm theo suy nghĩ cá nhân mà không hoàn toàn dựa vào cơ sở khoa học đã được nghe giảng hay được trình bày trong giáo trình. Tuy vẫn có những ý trả lời đúng được GV cho điểm, mặc dù chưa cao khi thực hiện bài thi theo cách này, nhưng họ vẫn có biểu hiện sáng tạo.

Biểu hiện được xem là có sáng tạo ở mức độ cao nhất là biểu hiện thứ 5 (mức 5) không được SV nào

thể hiện. Có thể do điều kiện học tập ở trên lớp và thực hành chưa tạo cho SV một nền tảng kiến thức đầy đủ, phong phú, hoặc do SV chưa đủ mạnh dạn để đưa ra ý tưởng sáng tạo hay quan điểm mới lạ của cá nhân? Hay tâm lí sợ bị đánh giá vì không đúng hay chưa hoàn hảo?

Để có thêm minh chứng khi đề cập đến biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi hết học phần, chúng tôi tìm hiểu xem sinh viên thường lựa chọn hình thức làm bài như thế nào khi thi? Kết quả bằng phiếu hỏi cho thấy, 24,1% số SV chọn cách an toàn "Theo đúng những kiến thức trong vở ghi" (hay qua bài giảng của GV); 62,8% lựa chọn cách làm bài thi trên cơ sở "Theo những ý chính qua bài giảng của GV, từ đó phát triển theo cách hiểu của bản thân". Phương pháp "Tổng hợp kiến thức qua bài giảng của GV, qua tài liệu tự học và diễn đạt theo ý của mình" có 60,4% SV lựa chọn; 15,4% số SV lựa chọn hình thức "Dựa vào ứng dụng thực tiễn để khái quát vấn đề được hỏi" và 27,8% số SV khi làm bài thi "Tổng hợp kiến thức lí thuyết, kết quả ứng dụng, khái quát thành câu trả lời".

Như vậy, có một số đáng kể SV trung thành với kiến thức bài giảng của thầy cô khi làm bài thi, không chủ động biến kiến thức đó thành cách lập luận của riêng mình. Còn phần lớn SV lựa chọn các cách khác nhau để có thể làm bài thi một cách hiệu quả nhất. Có thể tùy thuộc vào độ khó dễ của từng học phần, hay do yêu cầu của từng GV mà SV biết lựa chọn phương pháp làm bài phù hợp với cách đánh giá cho điểm của từng GV. Một thực tế là, có GV cho điểm tối đa khi SV trình bày đầy đủ kiến thức trong sách hay bài giảng. Nhưng cũng có GV khi chấm, họ quan tâm đến cách diễn đạt, liên hệ thực tiễn hay quan điểm riêng của SV về vấn đề được hỏi, chứ không đơn giản chỉ trình bày lại những gì đã có qua sách vở, qua những gì GV đã đề cập...

4. Kết luận và một số đề xuất

Mức độ biểu hiện sáng tạo trong bài thi hết học phần của SV Trường ĐHNN HN thuộc diện nghiên cứu chỉ đạt ở mức trung bình, biểu hiện sáng tạo của SV trong bài thi học phần chưa rõ nét và toàn diện, sáng tạo của SV tập trung nhiều ở biểu hiện 3. Phần lớn GV ra đề thi theo kiểu kiểm tra trí nhớ, tính ứng dụng của kiến thức lí thuyết, những câu hỏi dạng phát hiện vấn đề chưa được gợi mở hay lồng ghép vào các câu hỏi thi nên chưa phát huy tính sáng tạo của SV. Vì vậy, việc nghiên cứu và tổ chức ra đề thi dưới dạng tổng hợp, các câu hỏi gián tiếp, nội dung câu hỏi gắn nhiều với thực tế môn học, ngành nghề sẽ kích thích óc tìm tòi và nhu cầu khám phá cái mới của SV hơn. Đặc biệt, các câu hỏi dạng phát hiện vấn đề nên đưa vào thường xuyên ở các bài kiểm tra, bài thi để rèn cho SV khả năng học tập theo phương pháp tìm tòi, khám phá; có như vậy sáng tạo của họ trong học tập nói chung, khi tiến hành các bài thi học phần nói riêng sẽ được phát huy ở mức độ cao hơn. Ngoài ra, đưa lí luận tâm lí học sáng tạo vào chương trình đào tạo giúp SV có phương pháp luận sáng tạo phục vụ cho học tập và công tác nghề nghiệp sau này của họ. Việc đổi mới cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV cần thực hiện thường xuyên và đồng bộ cùng với sự cải tiến phương pháp dạy trong giờ học lí thuyết, và hướng dẫn thực hành, có như vậy

chúng ta mới tạo cho SV một môi trường học tập tích cực, từ đó sáng tạo của họ mới dần được phát huy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Lí Anh (2008), *Bài giảng Công nghệ sinh học*, Trường ĐHNN HN.
2. Cao Việt Hà (2008), *Bài giảng Địa chất môi trường*, Trường ĐHNN HN.
3. Phạm Thị Ngọc (2008), *Bài giảng Tế bào học*, Trường ĐHNN HN.
4. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Tâm lí học sáng tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Taylor D.W; Barron F; Torance, E.P (1964), *Science Creativity Its Recognition and Development*, John Wiley and Sons, New York.

SUMMARY

The author suggests that the level of creativity manifested in the course exams of students of Agricultural University Hanoi only reaches the average point. The creativity manifested in the course exams among students is not clear or comprehensive. None of students can show a high degree of creativity. One of the most significant reasons for this status is attributable to the inappropriate design of test items by lecturers.

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG LƯỢC ĐỒ TƯ DUY... (Tiếp theo trang 27)

thức khác đã được học trong chương trình như dãy điện hóa của kim loại, kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm.

3. Kết luận

Sử dụng LĐTĐ trong dạy học có tính ứng dụng cao vì có thể áp dụng trong bất kì điều kiện cơ sở vật chất nào của trường học, có thể thiết kế LĐTĐ trên giấy, bìa, bảng phụ với chì màu, bút, tẩy... hoặc thiết kế trên máy tính với các phần mềm hỗ trợ. Qua kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy, sử dụng LĐTĐ dạy các bài luyện tập giúp học sinh sáng tạo hơn, hứng thú hơn, từ đó tích cực và đạt kết quả cao hơn.

Ngoài việc thiết kế LĐTĐ cho các bài luyện tập, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh lập LĐTĐ cho bài mới, ghi chép kiến thức trên lớp, ôn tập khi thi cử, lập kế hoạch cá nhân, minh họa các ý tưởng, quản lí tổ, lớp,... LĐTĐ thực sự là một công cụ tư duy hiệu quả mang lại những lợi ích to lớn trong hoạt động dạy và học, góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục, hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện là cơ sở để xây dựng một nền giáo dục tiên tiến và bền vững đúng với chủ trương của

Đảng và Nhà nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Trường (Tổng chủ biên), *Sách giáo khoa Hóa học 12*, NXB Giáo dục, 2011.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Sửu (Chủ biên), *Phương pháp dạy học hóa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2009.
3. Bùi Phương Thanh Huấn, *Đổi mới phương pháp dạy học hóa học ở trường trung học phổ thông vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ giáo dục học, 2010.
4. Tony Buzan, *Sơ đồ tư duy*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2008.

SUMMARY

The article has presented several suggestions to help teachers use thinking paradigm in order to design and deliver grade-12 chemistry exercises, especially in relation to sections on metal elements and groups of metal elements in consonance with active teaching approach...